ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Biểu số 51/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
	TỔNG SỐ	**7.315.608**	**1.427.958**	**2.753.840**	**15.700**	**1.000**	**71.366**	**32.961**	**341.696**	**314.486**	**27.210**	**2.656.832**	**14.255**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**1.427.958**	**1.427.958**										
B	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**1.903.716**		**1.903.716**									
1	Văn phòng Tỉnh ủy	161.213		161.213									
	Văn phòng Tỉnh uỷ và các ban đảng	*158.248*		*158.248*									
	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	*2.965*		*2.965*									
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	*10.291*		10.291									
3	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	*23.771*		23.771									
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	31.997		31.997									
5	Ban An toàn giao thông tỉnh	1.761		1.761									
6	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	336		336									
7	Ban Dân tộc	6.200		6.200									
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	9.108		9.108									
9	Cổng Thông tin điện tử tỉnh	3.361		3.361									
10	Đoàn khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	1.120		1.120									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
11	Đoàn Luật sư	336		336									
12	Đài Phát thanh - Truyền hình	34.029		34.029									
13	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày	267		267									
14	Hội Chữ thập đỏ	2.741		2.741									
15	Hội Cựu chiến binh	3.472		3.472									
16	Hội Cựu Thanh niên xung phong	367		367									
17	Hội Đông Y	188		188									
18	Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Quảng Trị	267		267									
19	Hội Khuyến học tỉnh	717		717									
20	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	7.017		7.017									
21	Hội Luật gia	169		169									
22	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam, bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em	420		420									
23	Hội người mù tỉnh	831		831									
24	Hội Nhà báo	2.474		2.474									
25	Hội Nông dân tỉnh	5.394		5.394									
26	Hội Văn học nghệ thuật	1.119		1.119									
27	Hội Y dược và Kế hoạch hóa gia đình	267		267									
28	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	1.435		1.435									
29	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	1.041		1.041									
30	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	3.393		3.393									
31	Nhà thiếu nhi	2.292		2.292									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
32	Sở Công Thương	8.386		8.386									
33	Sở Giáo dục và Đào tạo	554.519		554.519									
34	Sở Giao thông vận tải	57.153		57.153									
35	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.364		11.364									
36	Sở Khoa học và Công nghệ	7.952		7.952									
37	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	49.895		49.895									
38	Sở Ngoại vụ	7.083		7.083									
39	Sở Nội vụ	31.415		31.415									
40	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	135.722		135.722									
41	Sở Tài chính	12.969		12.969									
42	Sở Tài nguyên và Môi trường	24.567		24.567									
43	Sở Thông tin và Truyền thông	14.480		14.480									
44	Sở Tư pháp	6.832		6.832									
45	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	54.500		54.500									
46	Sở Xây dựng	7.093		7.093									
47	Sở Y tế	384.452		384.452									
48	Tạp chí Cửa Việt	3.375		3.375									
49	Thanh tra tỉnh	9.231		9.231									
50	Tỉnh đoàn	7.353		7.353									
51	Trạm kiểm tra trọng tải xe lưu động	1.522		1.522									
52	Trung tâm Hỗ trợ nông dân	288		288									
53	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh	2.270		2.270									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
54	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	5.474		5.474									
55	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	6.384		6.384									
56	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường	12.474		12.474									
57	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	4.033		4.033									
58	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	2.416		2.416									
59	Trường Cao đẳng Kỹ thuật	20.839		20.839									
60	Trường Cao đẳng Sư phạm	32.629		32.629									
61	Trường Cao đẳng Y tế	7.236		7.236									
62	Trường Chính trị Lê Duẩn	11.452		11.452									
63	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	10.270		10.270									
64	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	5.000		5.000									
65	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	38.500		38.500									
66	Công an tỉnh	8.600		8.600									
67	Cục Thống kê Quảng Trị	300		300									
68	Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác công trình thuỷ lợi Quảng Trị	28.294		28.294									
C	**CÁC NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**	**850.124**		**850.124**							-		
1	Kinh phí hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.877		20.877									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
2	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026	3.000		3.000									
3	Kinh phí thực hiện các chính sách chế độ do Trung ương ban hành	37.546		37.546							-		
4	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội Trung ương ban hành do NSĐP đảm bảo; tiền lương, các khoản phụ cấp; thực hiện các Đề án, Nghị quyết, chương trình, nhiệm vụ của địa phương	36.000		36.000									
5	Đào tạo cán bộ Lào	4.236		4.236									
6	Kinh phí thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số 166/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	5.983		5.983									
7	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1.000		1.000									
8	Đào tạo lại	4.485		4.485									
9	Chi chính sách, chế độ, sửa chữa, mua sắm tài sản và các nhiệm vụ phân bổ sau ngành y tế	25.100		25.100									
10	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng	294.864		294.864									
11	Hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện (phần NSTW hỗ trợ)	6.833		6.833									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
12	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	21.015		21.015									
13	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội; kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội, nhiệm vụ khác do ngân sách địa phương đảm bảo	2.882		2.882									
14	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	1.139		1.139									
15	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	80.800		80.800									
16	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (phân bổ sau)	26.315		26.315							-		
17	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	27.333		27.333							-		
18	Hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa	43.344		43.344									
19	Chi đối ứng các chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ bố trí vốn của địa phương	17.072		17.072							-		
	Trong đó:	-											

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
	- Kinh phí thực hiện Đề án Huy động nguồn lực hỗ trợ xây dựng mới nhà ở hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2026 theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh	*6.000*		*6.000*									
20	Kinh phí thực hiện công tác quan hệ biên giới Việt - Lào	5.000		5.000									
21	Kinh phí mua xe ô tô theo chế độ	5.000		5.000									
22	Phục vụ hoạt động HĐND các cấp và hoạt động đột xuất của UBND tỉnh	10.000		10.000									
23	Chi các hoạt động lễ, kỷ niệm	3.300		3.300									
24	Kinh phí đại hội Đảng	12.000		12.000									
25	Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác của địa phương	5.000		5.000									
26	Kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ	13.188		13.188									
27	Kinh phí thực hiện Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia giai đoạn 2019-2029	2.063		2.063									
28	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ biên giới 2 tỉnh Savannakhet, Salavan (CHDCND Lào) giai đoạn 2023-2027	2.511		2.511									
29	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, kiểm soát, đấu tranh ngăn chặn tội phạm và tệ nạn ma tuý, làm trong sạch địa bàn khu vực biên giới đất liền tỉnh Quảng Trị	1.700		1.700									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
30	Hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy theo Nghị quyết số 59/2024/ND-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh	1.584		1.584									
31	Kinh phí mua sắm trang phục cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh	2.630		2.630									
32	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, chính trị, đảm bảo an toàn xã hội một số vùng trọng điểm và một số nhiệm vụ khác của địa phương; các Nghị quyết của HĐND tỉnh; hỗ trợ các hoạt động diễn tập	21.901		21.901									
33	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể	1.132		1.132									
34	Dự toán chi các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh và nhiệm vụ khác của địa phương	24.955		24.955									
35	Hoạt động xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch	8.800		8.800									
36	Kinh phí thực hiện đề án chuyển đổi số và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	25.000		25.000									
37	Duy tu, sửa chữa hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch	5.000		5.000									
38	Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể	5.000		5.000									
39	Quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành	4.000		4.000									
40	Dự toán bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm tài sản công	20.000		20.000									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ CTMT, NHIỆM VỤ, CSCĐ CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
41	Chi phối hợp các đơn vị	180		180									
42	Kinh phí các sự nghiệp (phân bổ sau)	10.356		10.356									
	Sự nghiệp đào tạo (phân bổ sau)	1.623		1.623									
	Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin (phân bổ sau)	5.649		5.649									
	Sự nghiệp đảm bảo xã hội (phân bổ sau)	1.623		1.623									
	Dự phòng biên chế chưa tuyển dụng	1.461		1.461									
D	**CHI TRẢ NỢ LÃI, PHÍ CÁC KHOẢN VAY**	**15.700**			**15.700**								
E	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.000**				**1.000**							
F	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**71.366**					**71.366**						
G	**NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG**	**32.961**						**32.961**					
H	**CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG, MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**	**2.998.528**							**341.696**	**314.486**	**27.210**	**2.656.832**	
L	**GHI THU GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ**	**14.255**											**14.255**